

Số: 103 /BC-SCH

Long Biên, ngày 13 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ngày 13/4/2022

I. TÌNH HÌNH DỊCH COVID-19

1. Dịch COVID-19.

- F0 mới trong ngày/lũy tích năm 2022: 78/94.859

+Lũy tích cập nhật trên phần mềm quản lý F0 từ 04/12/2021: 96.457

2. Dịch bệnh khác: Tay chân miệng: 07; SXH: 36; sốt phát ban nghi sởi: 02

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Công tác chỉ đạo điều hành:

Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, Quận về công tác PCD, tập trung thực hiện các nội dung:

- Kiểm tra, giám sát các điều kiện phòng chống dịch tại các trường Mầm non và Nhóm lớp Mầm non khi trẻ đi học trực tiếp trở lại. Tiếp tục duy trì các biện pháp phòng chống dịch tại các trường học.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập trung về công tác tiêm chủng vắc xin Covid -19; hướng dẫn, tư vấn theo dõi khám chữa bệnh liên quan đến hậu Covid -19.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thực hiện các biện pháp phòng chống dịch tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, di tích,...

2. Triển khai phương án đảm bảo PCD tại trường học:

- Khối trường Mầm Non và Nhóm lớp Mầm non (76 trường MN; 100 Nhóm lớp MN): số trẻ em đi học: 15.681/22.597 Trẻ em, tỷ lệ 69,46%. 100% trường Mầm non và Nhóm lớp triển khai học bán trú. Các trường đảm bảo điều kiện phòng chống dịch theo đúng quy định

- Khối tiểu học (31/31 trường): Học sinh học trực tiếp: 28.868/29.525 (97,9%). Có 10/31 trường Tiểu học triển khai học bán trú cho học sinh.

- Khối THCS và THPT (34/34 trường): Số h/s học trực tiếp: 31.906/33.156 HS, tỷ lệ 96,22% (Riêng học sinh khối 6: 5.389/5.602 HS, tỷ lệ 96,2%)

- Số F0 (mới trong ngày/lũy tích): Học sinh: 45/8.809, hiện đang cách ly điều trị: 380; Giáo viên, nhân viên: 02/1.009. Số F1 (mới trong ngày/lũy tích): 31/15.681, số đang cách ly tại nhà: 261

- Các trường Mầm non đã chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng đón trẻ tới trường.

3. Công tác quản lý, điều trị F0: (cập nhật trên phần mềm quản lý F0 từ 04/12/2021 đến nay)- Biểu kèm theo

- Số F0: 96.457, trong đó:

F0	Số ca
1. Tầng 1	95.538
2. Tầng 2,3	919
3. Điều trị khỏi	94.431
4. Tử vong	65

- Số F0 đang điều trị: 2.292, trong đó:

F0 đang điều trị	Số ca
1. Tại nhà	1.774
2. Điều trị tại bệnh viện	17
3. Chờ chuyển	0

- Số F0 điều trị thuốc kháng virus: 10.605

4. Công tác tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19

- *Kết quả tiêm chủng*: Đối tượng ≥ 18 tuổi: 617.042 mũi, trong đó: Mũi 1 đạt 99,7%; tiêm đủ 2 mũi đạt 99,9% ; mũi bổ sung, nhắc lại: 171.305/180.976 đạt 83,6%. Đối tượng từ 12 đến < 18 tuổi: Tiêm đủ 2 mũi: 24.445/24.445 mũi (100%).

- *Rà soát các trường hợp chưa tiêm, tiêm chưa đầy đủ*: Số người chưa tiêm, tiêm chưa đầy đủ: Chưa tiêm mũi 1: 1.423 người; Chưa tiêm mũi 2: 659 người; Chưa tiêm mũi 3: 9.662 người (từ 18 tuổi trở lên)

- Triển khai xây dựng KH tiêm chủng cho trẻ từ 5-11 tuổi theo chỉ đạo của Thành phố. Số trẻ em từ 5 -11 tuổi: 44.227

5. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về PCD:

- Kiểm tra công tác đảm bảo điều kiện PCD tại 07 trường Mầm Non khi học sinh đi học trở lại.

- Các đoàn kiểm tra của quận và 14 phường duy trì công tác kiểm tra điều kiện phòng chống dịch tại các trường học; cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cơ sở dịch vụ ăn uống ; cơ sở kinh doanh vật tư, trang thiết bị y tế, thuốc điều trị Covid -19. Trong ngày kiểm tra: 26 đơn vị (22 cơ sở Dịch vụ ăn uống; 04 cơ sở kinh doanh thuốc). Các cơ sở đảm bảo chấp hành tốt các quy định về PCD

- Lũy tích xử phạt: 58 TH/155.500.000 đồng; yêu cầu dừng hoạt động 06 cơ sở.

6. Tập trung giải quyết hỗ trợ cho F1, F0 theo Nghị quyết 68. Đã phê duyệt hỗ trợ cho 2.129 trường/10 phường với tổng số tiền hỗ trợ 2.369.480.000 đồng (trong đó có 547 trẻ em và 7 người cao tuổi, 01 người khuyết tật).

III. NHIỆM VỤ TIẾP THEO

Tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch theo các văn bản chỉ đạo của Thành phố và Quận; các nội dung tại văn bản số 1011/UBND-KGVX ngày 06/4/2022 của Thành phố, tập trung các nội dung:

1. Đẩy mạnh tuyên truyền về các biện pháp phòng chống dịch, công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19, hướng dẫn theo dõi, chăm sóc, điều trị các triệu chứng liên quan đến hậu Covid -19

2. Đảm bảo tốt các điều kiện PCD tại các trường học.

3. Xây dựng kế hoạch tiêm phòng Vắc xin Covid -19 cho trẻ từ 5-11 tuổi. Tiếp tục tiêm cho người chưa tiêm/đến lịch tiêm, đặc biệt người nguy cơ cao.

4. Tập trung giải quyết chế độ hỗ trợ cho F1, F0 theo Nghị quyết 68.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện phòng, chống dịch tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trường học

Sở Chỉ huy phòng chống dịch bệnh COVID-19 quận Long Biên trân trọng báo cáo. Trong quá trình thực hiện có thông tin, vướng mắc liên hệ với Thường trực Sở Chỉ huy phòng chống dịch bệnh quận: Văn phòng HĐND&UBND quận (Đ/c

Nguyễn Quang Toàn - Chánh VP - ĐT: 0333.00.9999) hoặc Phòng Y tế (Đ/c Lương Thị Minh Nguyệt - Trưởng phòng - ĐT: 098.4093.266) để tiếp nhận thông tin, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Chỉ huy PCDB Thành phố (để b/c);
- Thường trực Quận uỷ (để b/c);
- Các đ/c PCT UBND quận;
- Các Đ/c Ủy viên BTV Quận uỷ;
- Thành viên BCĐ PC dịch COVID-19;
- UBND 14 phường;
- Lưu: VP (01).

**TM. SỞ CHỈ HUY
KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Đinh Thị Thu Hương**



THỐNG KÊ SỐ LIỆU F0, F1 TỪ NGÀY 04/12/2021
 (Kèm Báo cáo: /BC-SCH ngày 13 tháng 4 năm 2022)

STT	Đơn vị	QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ F0						Số F1		
		Số mới	Cộng dồn	Số F0 theo dõi tại nhà	Số F0 điều trị tại CSYT	Số F0 kết thúc điều trị	Số ca tử vong	Số mới	Cộng dồn	Số đang cách ly tại nhà
1	Bồ Đề	14	8950	63	1	9045	5	15	8540	65
2	Cự Khối	4	3120	44	0	3006	2	0	3396	10
3	Đức Giang	1	7167	60	0	7039	17	7	6455	16
4	Gia Thụy	0	3522	33	1	3448	8	9	3789	38
5	Giang Biên	8	6652	90	2	6496	1	4	7186	17
6	Long Biên	8	5918	382	2	5373	4	0	6753	26
7	Ngọc Lâm	4	3450	327	2	3116	10	0	2602	10
8	Ngọc Thụy	6	11835	199	1	11529	5	24	11556	22
9	Phúc Đồng	4	5747	124	0	5561	1	0	5045	3
10	Phúc Lợi	0	7620	32	2	7663	5	5	7114	10
11	Sài Đồng	7	5510	76	3	5162	1	0	2641	16
12	Thạch Bàn	12	10165	79	3	10505	2	0	6764	0
13	Thượng Thanh	1	9915	111	0	9719	2	10	8618	52
14	Việt Hưng	9	6886	154	0	6679	2	39	6912	28
Tổng cộng		78	96.457	1.774	17	94.341	65	113	87.371	313